

HOSE

12/03/2014

VNINDEX 590.02 1.52 0.26%

KLGD 177,883,620 CP

GTGD 3,080.41 Tỷ

GTR NDTNN 45.72 Tỷ

CP Tăng giá 98 CP

CP Giảm giá 143 CP

CP Đứng giá 63 CP



HNX

12/3/2014

HNXINDEX 83.17 -0.47 -0.56%

KLGD 87,250,246 CP

GTGD 890.75 Tỷ

GTR NDTNN - 2.11 Tỷ

CP Tăng giá 71 CP

CP Giảm giá 167 CP

CP Đứng giá 141 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 663.84 2.23 0.34%

HNX30 166.19 -0.94 -0.57%

Tâm điểm

► **Tăng giảm trái chiều, 2 sàn đuối dần về cuối phiên**

► **Thanh khoản thị trường gia tăng nhẹ trở lại**

Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn duy trì ở mức cao và đạt mức 3,900 tỷ đồng.

► **Bộ Tài Chính: Thu NSNN 2 tháng đầu năm 2014 mới đạt 16.6% dự toán**

Thu NSNN 2 tháng đầu năm 2014 tăng 12.9% so với cùng kỳ của năm 2013

Người Đồng Hành

► **NHNN: 6 tháng trở lại đây, lãi suất cho vay bình quân bằng VND không giảm**

Theo số liệu thống kê của NHNN về thông tin hoạt động ngân hàng

Trí Thức Trẻ

► **VSSA: Nửa đầu tháng 3/2014, đường tồn kho hơn 500,000 tấn**

Theo thông tin từ Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA)

PLTP Hồ Chí Minh

► **TTF: Năm 2014, dự kiến đạt 60 tỷ đồng lợi nhuận**

Năm 2014, kim ngạch xuất khẩu dự kiến của TTF khoảng 70 triệu USD

Đầu tư Chứng khoán

► **FIT: F.I.T và Tài chính Vinaconex - Viettel ký Hợp đồng cổ đông chiến lược**

Tổng giá trị phát hành cho nhóm VVF lên tới 56.7 tỷ đồng.

Trí Thức Trẻ

Thị trường / Ngành

Vốn hóa (tỷ)

P/E

P/B

ROE

ROA

Theo thị trường

Thị trường	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,037,187	14.1	3.1	22.2%	11.3%
HNX	131,474	20.6	1.7	8.8%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,168,661	15.1	3.0	21.2%	10.6%

Theo ngành

Ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	8,248	7.2	1.0	15.8%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	24,030	8.0	1.9	24.6%	18.1%
Thép và sản phẩm thép	33,958	17.5	1.9	17.7%	7.1%
Khai khoáng	12,661	46.4	4.8	3.8%	2.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,657	20.4	1.5	15.1%	9.0%
Xây dựng	32,989	43.7	1.2	1.6%	1.5%
Máy công nghiệp	9,535	9.3	1.5	21.5%	12.9%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,133	13.4	1.6	16.8%	12.2%
Lốp xe	7,076	8.8	2.4	30.2%	13.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	13,555	13.2	1.2	11.8%	5.6%
Thực phẩm	213,275	23.9	5.5	24.2%	18.2%
Dược phẩm	15,980	12.9	3.3	26.6%	17.1%
Phần mềm	18,739	11.5	2.5	23.7%	10.0%
Sản xuất & phân phối điện	23,364	7.7	1.3	19.1%	9.2%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	167,815	12.8	4.7	39.9%	25.2%
Bảo hiểm nhân thọ	33,887	30.9	2.8	9.0%	2.2%
Môi giới chứng khoán	24,362	22.7	1.4	7.2%	5.2%
Ngân hàng	264,944	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản	149,225	15.4	2.7	25.8%	6.2%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,164	9.6	1.9	21.3%	8.2%

Thống kê thị trường

► HOSE: Thống kê và nhận định thị trường

► HNX: Thống kê và nhận định thị trường

► Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Vui lòng tham khảo điều khoản sử dụng ở trang cuối

VietinBankSc © 2013

VietinBankSc

306 Ba Triệu

Hai Bà Trưng

Hanoi

Vietnam

Tel: (844) 3974 7952

Fax: (844) 3974 1760

www.vietinbanksc.com.vn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Bộ Tài Chính: Thu NSNN 2 tháng đầu năm 2014 mới đạt 16.6% dự toán

NHNN: 6 tháng trở lại đây, lãi suất cho vay bình quân bằng VND không giảm

VSSA: Nửa đầu tháng 3/2014, đường tồn kho hơn 500,000 tấn

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

HUT: Phát hành 20 triệu cổ phần cho đối tác chiến lược

TTF: Năm 2014, dự kiến đạt 60 tỷ đồng lợi nhuận

FIT: F.I.T và Tài chính Vinaconex - Viettel ký Hợp đồng cổ đông chiến lược

► Tin kinh tế

Theo số liệu của Bộ Tài Chính vừa công bố sáng nay (12/3), tổng thu ngân sách tháng 2 ước đạt 49,600 tỷ đồng; lũy kế thu 2 tháng đạt 129,870 tỷ đồng, bằng 16.6% dự toán, tăng 12.9% so với cùng kỳ của năm 2013. Trong đó, thu nội địa thực hiện tháng 2 ước đạt 31,400 tỷ đồng, xấp xỉ bằng 51% số thu tháng trước. Lũy kế thu 2 tháng ước đạt 93,465 tỷ đồng, bằng 17.3% dự toán, tăng 18.3% so với cùng kỳ năm 2013 (không kể tiền sử dụng đất thì tăng 17.8%)

Theo số liệu thống kê của NHNN về thông tin hoạt động ngân hàng, trong năm 2013, NHNN đã giảm 2%/năm các mức lãi suất điều hành; giảm 3%/năm lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên; giảm 1%/năm lãi suất tối đa áp dụng đối với tiền gửi bằng VND, từ cuối tháng 6-2013, NHNN cho phép các NHTM tự ấn định lãi suất tiền gửi VND có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên. Kể từ giữa tháng 7-2013 đến 28-2-2014, lãi suất cho vay bình quân bằng VND không thay đổi.

Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA) cho biết sản lượng đường từ mía tháng 3 ước đạt 300,000 tấn, tồn kho đường đến ngày 15-3-2014 sẽ vượt 500,000 tấn. Nguyên nhân do đang là tháng chính vụ, nguồn cung đường dồi dào cả về số lượng và chủng loại trong khi tiêu thụ giảm. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh về giá với đường Thái Lan nhập lậu cũng khiến gia tăng lượng đường tồn kho, qua đó tiếp tục gây khó khăn cho hoạt động của các công ty đường trong nước.

► Tin doanh nghiệp

HĐQT CTCP Tasco (HNX: HUT) vừa thông qua phương án chào bán cổ phần riêng lẻ cho đối tác chiến lược. Cụ thể, HUT dự kiến phát hành tối đa 20 triệu cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược, với giá chào bán thấp nhất là 10,000 đồng/CP. Thời gian chào bán trong quý I hoặc quý II/2014. Toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phần riêng lẻ, dự kiến là 200 tỷ đồng và thặng dư vốn cổ phần (nếu có), sẽ được dùng để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các dự án và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của Công ty.

Theo ông Võ Trường Thành, Chủ tịch HĐQT CTCP Gỗ Trường Thành (HOSE: TTF), HĐQT TTF đã lên kế hoạch kinh doanh năm 2014 với tổng doanh thu 2,000 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 60 tỷ đồng và kim ngạch xuất khẩu dự kiến khoảng 70 triệu USD. Dự kiến, trong tháng 4, TTF sẽ họp ĐHCĐ thông qua nội dung trên. Theo kế hoạch, đầu quý II/2014, TTF sẽ phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược nước ngoài với tổng giá trị phát hành 300 tỷ đồng và mức giá dự kiến trên 10,000 đồng/CP. Theo ông Thành, sở dĩ TTF nhắm đến cổ đông ngoại nhằm tìm sự hỗ trợ trong việc mở rộng xuất khẩu ra thế giới.

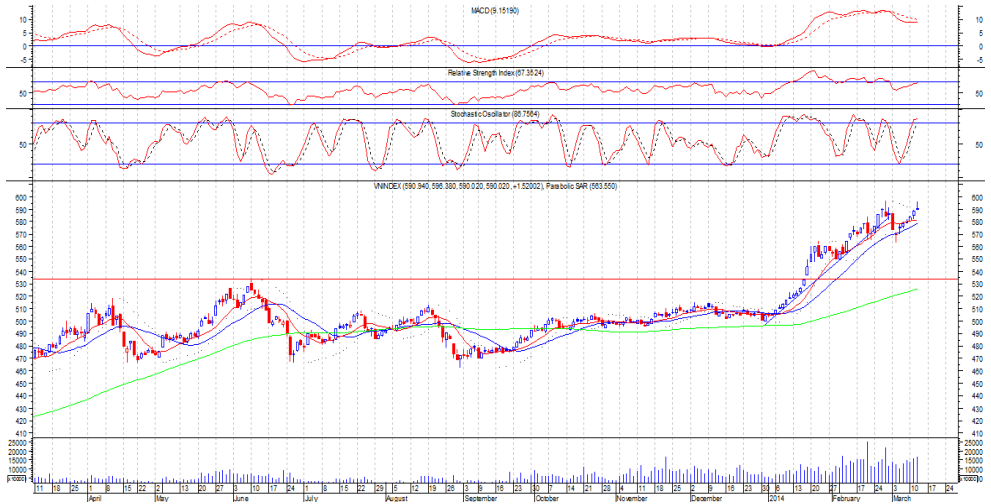
Ngày 11/03/2014, Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T (HNX: FIT) và Công ty Tài chính Vinaconex - Viettel (VVF) đã ký kết hợp đồng cổ đông chiến lược. Như vậy là sau 2 năm trở thành đối tác chiến lược, VVF đã trở thành cổ đông chiến lược của FIT. Theo nội dung ký kết, VVF cùng khách hàng của mình cam kết sẽ trở thành cổ đông chiến lược, thực hiện mua toàn bộ số cổ phần phát hành riêng lẻ đợt 1 của F.I.T, với khối lượng 4.7 triệu cổ phần, giá phát hành 12,000 đồng/cổ phiếu. Tổng giá trị phát hành cho nhóm VVF lên tới 56.7 tỷ đồng. Số cổ phần này sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành chào bán cổ phần.

HOSE 12/03/2014 VNINDEX 590.02 1.52 0.26% 177,883,620 CP 3,080.41 bil VND

Tăng giảm trái chiều, 2 sàn đuối dần về cuối phiên

VN-Index tăng 1.52 điểm (+0.26%), đóng cửa tại mức 590.02 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, tăng điểm, thân nến ngắn, đáng chú ý là đã tăng của chỉ số yếu dần về cuối phiên.

- Tín hiệu MACD Histogram có dấu hiệu tăng trở lại. Đây là tín hiệu khá tích cực.
- Stochastic Oscillator gia tăng mạnh và đi sâu vào vùng quá mua.
- RSI (14) tăng nhẹ lên mức 67.
- DI+, DI- gia tăng độ rộng trở lại.
- Chỉ báo Parabolic SAR cho tín hiệu mua trở lại.



HOSE Top 5 theo KLGD

ITA	-0.3 (-3.4%)	11,886,780
FLC	-0.5 (-3.6%)	8,621,100
HQC	-0.3 (-3.3%)	7,061,290
VHG	0.4 (3.5%)	6,672,950
AGR	0.4 (6.7%)	6,640,850

HOSE Top 5 theo % tăng

POM	0.9 (7.0%)	370
MHC	0.5 (6.9%)	377,970
AGR	0.4 (6.7%)	6,640,850
HAI	1.4 (6.4%)	2,440
LGC	1 (6.3%)	2,810

HOSE Top 5 theo % giảm

DTA	-0.3 (-7.0%)	25,470
TSC	-1.1 (-6.9%)	87,550
KAC	-0.8 (-6.8%)	400
TLG	-3.2 (-6.7%)	4,300
ICF	-0.4 (-6.5%)	264,800

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VNS	96,0 tỷ	2,000,000
KDC	17,9 tỷ	292,790
GAS	15,8 tỷ	183,420
MSN	9,7 tỷ	97,150
HSG	8,0 tỷ	139,820

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

DPM	-28,2 tỷ	635,760
PVD	-17,4 tỷ	214,710
IJC	-10,8 tỷ	780,090
KBC	-10,8 tỷ	833,520
HAG	-9,1 tỷ	335,970

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	-863,060	45.72

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Đà hưng phấn được duy trì với nhiều trụ đỡ là các mã vốn hóa lớn. Đỉnh cũ không thể chinh phục thành công nhưng TT vẫn đóng cửa xanh điểm.
- ▶ Khối lượng tiếp tục gia tăng và đạt 168 triệu đơn vị khớp lệnh. Vượt mốc bình quân 20P. Tâm lý NĐT đang tỏ ra khá hưng phấn.
- ▶ Nhiều khả năng VN-Index sẽ chinh phục lại ngưỡng đỉnh cũ, khi đó lực chốt lời sẽ xuất hiện khá nhiều. Dự báo sự rung lắc mạnh sẽ xuất hiện.
- ▶ Khối ngoại bán ròng về khối lượng nhưng lại mua ròng về giá trị trở lại phiên hôm nay. Đây là một tín hiệu khá tích cực trong bối cảnh TT chinh phục mức đỉnh cũ.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục mua thêm hàng đã sẵn có nếu thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao. Tránh mua đuổi giá. Cần nhắc chốt lời lượng hàng về tài khoản.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	85.5	162,022.50	13.0	4.8	40.8%	25.9%
VNM	833.5	141.0	117,518.86	17.9	6.7	39.6%	30.7%
MSN	734.9	99.0	72,756.22	161.9	4.9	3.0%	1.0%
VCB	2,317.4	30.6	70,912.96	16.6	1.7	10.3%	1.0%
VIC	908.8	77.0	69,974.72	10.2	3.8	47.7%	10.3%
CTG	3,723.4	16.8	62,553.20	9.4	1.2	13.2%	1.1%
BID	2,811.2	16.5	46,384.84	10.7	1.5	13.8%	0.8%
BVH	680.5	51.0	34,704.04	30.9	2.8	9.0%	2.2%
STB	1,142.5	20.4	23,307.24	10.4	1.4	14.5%	1.4%
PVD	275.3	80.0	22,020.65	10.7	2.2	22.3%	9.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	14.6	3,395.96	14.6	1.2	NA	TH.DOI
PPC	318.2	24.7	7,858.42	4.8	1.5	NA	TH.DOI
PHR	78.5	31.6	2,480.29	6.7	1.1	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.5	3,524.58	9.4	2.4	NA	TH.DOI
VSC	28.6	70.0	2,005.22	8.4	2.3	NA	TH.DOI
DPM	379.9	43.9	16,679.11	7.6	1.8	NA	TH.DOI

HNX 12/03/2014 HNX-Index 83.17 -0.47 -0.56% 87,250,246 CP 890.75 bil. VND

Tăng giảm trái chiều, 2 sàn đuối dần về cuối phiên

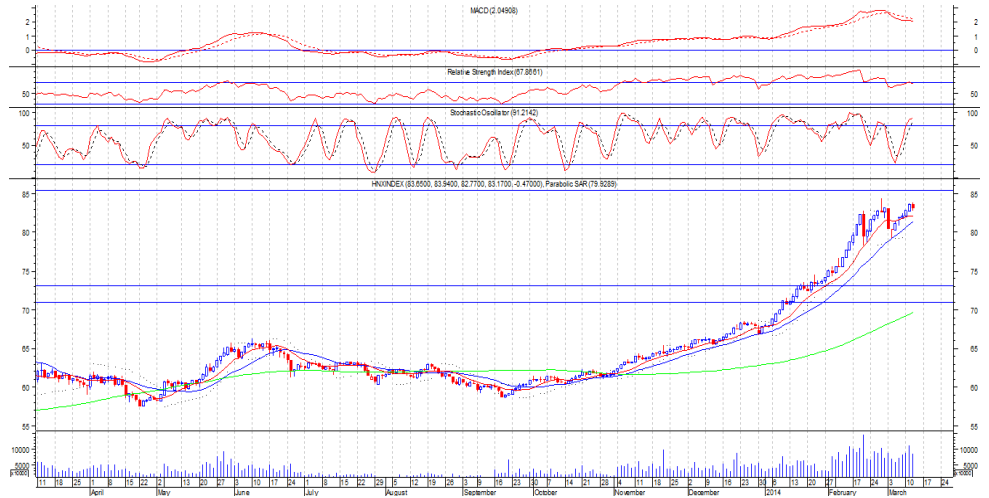
Chỉ số HNX-Index giảm 0.47 điểm (-0.56%), đóng cửa tại mốc 83.17 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến đỏ, thân ngắn, giảm điểm nhẹ sau khi đạt đỉnh ở phiên ngày hôm qua.

- MA10, MA20 tăng nhẹ trở lại. Đường giá đã duy trì trên 2 đường MA10 và MA20. Đây là chỉ báo khá quan trọng.

- Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục gia tăng khá mạnh và đi sâu vào ngưỡng quá mua.

- MACD dừng đà giảm và có dấu hiệu tăng trở lại.

- RSI (14) giảm nhẹ xuống mức 68.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	-0.1 (-2.0%)	9,954,750
SHB	0 (0.0%)	9,720,530
KLS	-0.2 (-1.6%)	6,235,070
SCR	-0.2 (-2.2%)	4,440,910
HUT	0.3 (2.6%)	3,914,270

HNX Top 5 theo % tăng

CTA	0.4 (10.0%)	209,400
DLR	0.6 (10.0%)	100
SIC	0.8 (9.9%)	84,890
TSB	0.6 (9.8%)	2,000
S12	0.7 (9.6%)	32,300

HNX Top 5 theo % giảm

PCG	-1 (-10.0%)	100
SDU	-1 (-10.0%)	7,100
VE8	-0.6 (-10.0%)	2,000
HBE	-0.8 (-9.9%)	200
INC	-0.6 (-9.8%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

SHB	1,4 tỷ	156,100
LAS	1,2 tỷ	25,500
SDT	0,7 tỷ	40,100
SD5	0,5 tỷ	30,000
VCG	0,5 tỷ	28,400

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-3,9 tỷ	133,800
PSI	-2,3 tỷ	283,000
PGS	-0,8 tỷ	22,300
PVX	-0,2 tỷ	42,600
VND	-0,2 tỷ	13,100

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	-155,700	2.11

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sàn Hà Nội rung lắc khá mạnh phiên hôm nay khi áp lực chốt lời xuất hiện rất lớn. Chính vì thế mà cuối phiên HNX-Index đã không thể duy trì được sắc xanh.
- ▶ Khối lượng sụt giảm và đạt 90 triệu đơn vị khớp lệnh. Xuống thấp hơn ngưỡng bình quân 20P. Tâm lý NĐT có phần chùng xuống ở sàn Hà Nội.
- ▶ Áp lực chốt lời sẽ xuất hiện trong những phiên tới. Dự báo rung lắc mạnh có thể xuất hiện.
- ▶ Khối ngoại bán ròng nhẹ phiên hôm nay. Lực bán ròng có thể sẽ còn xuất hiện nhiều trong thời gian tới, vì vậy điều này sẽ tác động xấu tới TT chung.
- ▶ NĐT có thể tiếp tục mua thêm hàng đã sẵn có nếu thanh khoản tiếp tục duy trì ở mức cao. Tránh mua đuổi giá. Cần nhắc chốt lời lượng hàng về tài khoản.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	921.5	16.4	15,112.85	18.6	1.2	6.6%	0.5%
PVS	446.7	28.6	12,775.63	7.9	1.5	21.0%	6.7%
SQC	110.0	78.2	8,602.00	415.6	6.4	-1.5%	-1.2%
SHB	886.1	9.3	8,240.58	10.9	0.8	7.6%	0.6%
VCG	441.7	15.3	6,758.17	12.7	1.2	10.1%	2.1%
OCH	200.0	32.0	6,400.00	34.7	3.0	8.1%	3.6%
PVI	225.4	19.2	4,327.95	12.9	0.7	5.4%	2.9%
LAS	77.8	48.2	3,751.50	8.4	2.7	34.3%	16.1%
NTP	43.3	68.1	2,951.32	10.2	2.4	24.8%	16.7%
VNR	100.8	26.8	2,702.18	9.1	1.1	12.7%	6.9%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	36.1	1,371.80	7.8	1.5	NA	TH.DOI
AAA	19.8	25.9	512.82	9.3	0.9	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.7	1,521.90	12.8	1.3	NA	TH.DOI
NTP	43.3	68.1	2,951.32	10.2	2.4	NA	TH.DOI
LHC	2.0	69.0	138.00	3.5	1.3	NA	TH.DOI
DXP	7.9	51.6	406.35	7.5	1.8	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	15.35%	99.0	161.93	4.87	228,361	270,339	291,437
VIC	HOSE	908.8	69,974.72	14.46%	77.0	10.16	3.84	196,019	191,631	219,784
HPG	HOSE	419.1	21,581.21	11.74%	51.5	10.70	2.20	478,683	490,662	546,542
PVD	HOSE	275.3	22,020.65	8.68%	80.0	10.71	2.22	422,789	381,078	397,178
DPM	HOSE	379.9	16,679.11	8.01%	43.9	7.57	1.80	632,370	795,857	633,609
HAG	HOSE	718.2	19,318.36	7.98%	26.9	19.68	1.50	5,608,853	6,018,665	3,667,293
VCB	HOSE	2,317.4	70,912.96	6.11%	30.6	16.56	1.67	1,113,765	969,303	996,090
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	4.13%	20.4	10.36	1.37	1,444,525	1,095,050	628,743
BVH	HOSE	680.5	34,704.04	3.08%	51.0	30.92	2.80	461,818	461,783	480,350
ITA	HOSE	718.1	6,175.44	2.71%	8.6	121.32	0.82	11,361,843	10,381,125	7,785,349
HSG	HOSE	96.3	5,489.85	2.68%	57.0	10.14	2.44	336,528	359,011	340,381
GMD	HOSE	114.4	4,210.72	2.26%	36.8	30.02	0.93	339,204	485,020	477,658
PPC	HOSE	318.2	7,858.42	2.03%	24.7	4.80	1.45	912,201	1,067,333	1,327,814
VSH	HOSE	206.2	3,258.61	1.74%	15.8	16.23	1.26	639,537	936,354	1,050,094
CSM	HOSE	67.3	2,907.01	1.64%	43.2	7.89	2.34	581,272	717,730	729,731
KBC	HOSE	289.8	3,650.98	1.48%	12.6	54.13	0.92	1,490,288	1,771,558	1,268,314
DRC	HOSE	83.1	3,680.17	1.33%	44.3	9.78	2.66	354,153	440,533	374,180
PVT	HOSE	232.6	3,395.96	1.18%	14.6	14.62	1.23	2,796,147	3,197,713	2,451,093
DIG	HOSE	143.0	2,402.33	1.01%	16.8	53.14	1.02	790,137	1,128,620	921,294
OGC	HOSE	300.0	3,750.00	0.91%	12.5	36.33	1.18	3,592,070	3,485,547	2,317,953
PET	HOSE	69.8	1,508.59	0.87%	21.6	9.57	1.23	1,027,267	1,097,299	829,513

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,775.63	8.04%	28.6	7.90	1.53	1,981,371	2,383,690	2,124,867
VIC	HOSE	908.8	69,974.72	7.80%	77.0	10.16	3.84	196,019	191,631	219,784
VCB	HOSE	2,317.4	70,912.96	7.65%	30.6	16.56	1.67	1,113,765	969,303	996,090
BVH	HOSE	680.5	34,704.04	7.23%	51.0	30.92	2.80	461,818	461,783	480,350
DPM	HOSE	379.9	16,679.11	6.97%	43.9	7.57	1.80	632,370	795,857	633,609
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	5.98%	20.4	10.36	1.37	1,444,525	1,095,050	628,743
PVD	HOSE	275.3	22,020.65	5.04%	80.0	10.71	2.22	422,789	381,078	397,178
ITA	HOSE	718.1	6,175.44	3.72%	8.6	121.32	0.82	11,361,843	10,381,125	7,785,349
SHB	HNX	886.1	8,240.58	3.47%	9.3	10.89	0.80	10,587,660	11,365,103	6,754,349
PPC	HOSE	318.2	7,858.42	3.38%	24.7	4.80	1.45	912,201	1,067,333	1,327,814
OGC	HOSE	300.0	3,750.00	2.85%	12.5	36.33	1.18	3,592,070	3,485,547	2,317,953
GMD	HOSE	114.4	4,210.72	2.66%	36.8	30.02	0.93	339,204	485,020	477,658
HPG	HOSE	419.1	21,581.21	2.60%	51.5	10.70	2.20	478,683	490,662	546,542
HAG	HOSE	718.2	19,318.36	2.25%	26.9	19.68	1.50	5,608,853	6,018,665	3,667,293
DRC	HOSE	83.1	3,680.17	1.93%	44.3	9.78	2.66	354,153	440,533	374,180
VCG	HNX	441.7	6,758.17	1.85%	15.3	12.73	1.23	4,683,264	5,370,211	3,284,332
PVX	HNX	400.0	2,000.00	0.00%	5.0	- 0.97	2.52	11,632,454	12,519,354	9,354,700

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	908.8	69,974.72	0.00%	77.0	10.16	3.84	196,019	191,631	219,784
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	0.00%	99.0	161.93	4.87	228,361	270,339	291,437
DPM	HOSE	379.9	16,679.11	0.00%	43.9	7.57	1.80	632,370	795,857	633,609
HAG	HOSE	718.2	19,318.36	0.00%	26.9	19.68	1.50	5,608,853	6,018,665	3,667,293
VCB	HOSE	2,317.4	70,912.96	0.00%	30.6	16.56	1.67	1,113,765	969,303	996,090
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	0.00%	20.4	10.36	1.37	1,444,525	1,095,050	628,743
BVH	HOSE	680.5	34,704.04	0.00%	51.0	30.92	2.80	461,818	461,783	480,350
CTG	HOSE	3,723.4	62,553.20	0.00%	16.8	9.35	1.17	1,819,637	1,540,249	994,221
GAS	HOSE	1,895.0	162,022.50	0.00%	85.5	13.01	4.81	304,263	424,688	435,253

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Royal Bank of Scotland
MSCI Frontier Markets Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

19/09/2011
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

9/142
22.25 mil.

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	72,756.22	0.81%	99.0	161.93	4.87	228,361	270,339	291,437
VIC	HOSE	908.8	69,974.72	0.55%	77.0	10.16	3.84	196,019	191,631	219,784
DPM	HOSE	379.9	16,679.11	0.26%	43.9	7.57	1.80	632,370	795,857	633,609
VCB	HOSE	2,317.4	70,912.96	0.20%	30.6	16.56	1.67	1,113,765	969,303	996,090
STB	HOSE	1,142.5	23,307.24	0.14%	20.4	10.36	1.37	1,444,525	1,095,050	628,743
BVH	HOSE	680.5	34,704.04	0.10%	51.0	30.92	2.80	461,818	461,783	480,350

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI Frontier 100 Index

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

12/09/2012
30/11/2007

SLCKVN
TGTTSQL

6/102
519.45 mil.

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

iShares
MSCI VN Investable Market Indx

Ngày lập quỹ
Ngày lập chỉ số

01/12/2010

SLCKVN
TGTTSQL

4,752.96 mil.

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,248	7.2	1.0	15.8%	10.5%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	24,030	8.0	1.9	24.6%	18.1%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,722	25.6	0.7	2.3%	1.6%
Sản xuất giấy	804	8.9	0.8	10.4%	5.2%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	33,958	17.5	1.9	17.7%	7.1%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,115	5.3	0.9	17.3%	3.9%
Khai khoáng	12,661	46.4	4.8	3.8%	2.9%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,657	20.4	1.5	15.1%	9.0%
Xây dựng	32,989	- 43.7	1.2	1.6%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,505	8.4	1.3	18.4%	9.9%
Công nghiệp phức hợp	486	5.3	1.0	20.3%	14.2%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,766	10.8	1.0	8.5%	4.5%
Thiết bị điện	1,595	- 12.5	0.7	-0.9%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	44	25.1	0.6	2.4%	1.6%
Máy công nghiệp	9,535	9.3	1.5	21.5%	12.9%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,057	- 3.3	1.0	9.0%	1.2%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,133	13.4	1.6	16.8%	12.2%
Dịch vụ vận tải	5,235	10.3	1.4	15.9%	9.9%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	2,056	10.4	1.2	12.4%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	258	60.0	0.7	4.0%	1.6%
Nhà cung cấp thiết bị	199	8.7	0.9	11.2%	5.0%
Chất thải & Môi trường	133	2.2	0.7	36.9%	18.0%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,095	23.4	1.6	16.4%	8.4%
Lốp xe	7,076	8.8	2.4	30.2%	13.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,601	8.1	1.3	15.7%	9.4%
Vang & Rượu mạnh	239	11.0	1.8	17.9%	12.9%
Đồ uống & giải khát	278	7.6	1.4	15.2%	10.1%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	13,555	13.2	1.2	11.8%	5.6%
Thực phẩm	213,275	23.9	5.5	24.2%	18.2%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	58	114.2	0.7	0.6%	0.5%
Thiết bị gia dụng	2,395	9.2	1.1	12.7%	5.8%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	161	4.1	1.4	30.7%	21.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,152	8.3	1.6	19.2%	7.4%
Giày dép	6	1.9	0.2	12.3%	6.3%
Hàng cá nhân	5,123	10.4	1.8	17.4%	9.4%
Thuốc lá					
Thuốc lá	722	- 5.7	1.1	0.0%	3.9%

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,028	23.7	1.1	5.1%	2.8%
Dụng cụ y tế	137	3.6	1.7	31.7%	12.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	165	10.6	1.1	10.0%	6.6%
Dược phẩm	15,980	12.9	3.3	26.6%	17.1%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	312	42.3	1.0	2.3%	0.7%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	661	18.5	1.1	12.1%	8.0%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,727	10.2	1.7	19.2%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,108	8.5	1.0	14.0%	9.0%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	117	8.6	2.6	35.0%	15.7%
Khách sạn	6,893	37.7	2.9	7.7%	3.5%
Dịch vụ giải trí	1,941	18.1	1.5	14.0%	12.2%
Vận tải hành khách & Du lịch	1,252	21.1	2.4	17.1%	14.9%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	58	13.6	0.4	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	626	20.6	0.8	3.6%	1.3%
Internet	311	65.6	0.8	1.1%	0.2%
Phần mềm	18,739	11.5	2.5	23.7%	10.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	374	12.6	0.6	4.6%	1.7%
Thiết bị văn phòng	254	5.1	1.0	20.4%	14.9%
Thiết bị viễn thông	2,448	14.8	0.8	5.2%	4.0%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	23,364	7.7	1.3	19.1%	9.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	167,815	12.8	4.7	39.9%	25.2%
Nước	1,147	6.1	1.1	18.7%	13.5%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,338	11.1	0.9	8.1%	3.1%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,749	11.8	0.7	6.4%	3.3%
Tái bảo hiểm	2,722	9.1	1.1	12.7%	6.9%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	33,887	30.9	2.8	9.0%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,840	36.3	1.2	3.2%	0.9%
Môi giới chứng khoán	24,362	22.7	1.4	7.2%	5.2%
Ngân hàng					
Ngân hàng	264,944	11.8	1.4	11.6%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	149,225	15.4	2.7	25.8%	6.2%
Tur Vốn, Định giá, Môi giới Bất động sản	4	124.0	0.4	0.3%	0.1%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	36,164	9.6	1.9	21.3%	8.2%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.